

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 171/2020/DS-PT

Ngày 10 tháng 9 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Anh Tài;

Các Thẩm phán:

Ông Hoàng Văn Hạnh;

Ông Nguyễn Xuân Hùng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 101/2020/TLPT-DS ngày 24 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, do có kháng cáo của bị đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6463/2020/QĐ-PT ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Đàm Thị H, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn Bắc Lanh Ch, xã Lục B, huyện Bạch Th, tỉnh Bắc Kạn; có mặt;

*** Bị đơn:** Bà Lê Thị N, sinh năm 1965; địa chỉ: thôn Bắc Lanh Ch, xã Lục B, huyện Bạch Th, tỉnh Bắc Kạn; có mặt;

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nông Văn N1, sinh năm 1989; có mặt;

2. Anh Nông Đức C, sinh năm 1997; vắng mặt;

Cùng địa chỉ: thôn Bắc Lanh Ch, xã Lục B, huyện Bạch Th, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo ủy quyền của anh N1, anh C: Bà Lê Thị N, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn Bắc Lanh Ch, xã Lục B, huyện Bạch Th, tỉnh Bắc Kạn; có mặt.

3. Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn Bắc Lanh Ch, xã Lục B, huyện Bạch Th, tỉnh Bắc Kạn; có mặt;

4. Ủy ban nhân dân huyện Bạch Th, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nông Quốc D - Chủ tịch; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn T1 - Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bạch Th; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, các bên khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Đàm Thị H trình bày:

Gia đình bà có thửa đất số 292, tờ bản đồ số 137, diện tích 118m² đã được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Bạch Th cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) ngày 28/11/2001 mang tên hộ ông Hoàng Văn H1 là chồng bà H (ông H1 đã chết năm 2015). Thửa đất của gia đình bà phía Bắc giáp cửa hàng thương nghiệp cũ, phía Nam giáp đất hộ ông Hứa Văn Th, phía Tây giáp hộ bà Lê Thị N, phía Đông giáp đường liên xã. Nguồn gốc đất là của bố mẹ chồng bà (ông Hoàng Văn L và bà Lê Thị L1). Năm 1990 vợ chồng bà ra ở riêng thì được bố mẹ chồng chia cho thửa đất này (chia bằng miệng không lập giấy tờ). Vợ chồng bà đã dựng nhà, công trình phụ và làm vườn trên thửa đất này.

Năm 1999 khi Nhà nước Th báo có dự án làm chợ xã Lục B tại khu vực có thửa đất trên của gia đình bà, gia đình bà đã chấp hành việc tháo dỡ nhà và các công trình trên đất để chờ đền bù, trong thời gian đó bà N dựng quán bánh cuốn bên ngoài và đi lại trên đất của gia đình bà, bà N không hỏi ý kiến hay có thỏa thuận gì, vì lúc đó gia đình bà nghĩ rằng Nhà nước thu hồi làm chợ nên cũng không có ý kiến gì, nhưng sau đó chợ không làm ở đây mà làm ở nơi khác nên gia đình bà H nói với bà N trả lại đất nhưng bà N không trả nên xảy ra tranh chấp. Ngày 21/12/2008, Tổ hòa giải thôn đến giải quyết và ngày 22/9/2013 lại tiếp tục hòa giải nhưng không thành nên chồng bà H là ông H1 đã nộp đơn lên UBND xã Lục B để giải quyết. Năm 2015 bà N làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ thì bà H cũng có ý kiến với đoàn đo đạc về phần đất đang có tranh chấp nhưng không hiểu vì sao bà N vẫn được cấp GCNQSDĐ. Nay bà H yêu cầu bà N trả lại diện tích đất tranh chấp là 7,54m² cho gia đình bà và yêu cầu hủy GCNQSDĐ số CD 381607 ngày 31/12/2015 của UBND huyện Bạch Th, tỉnh Bắc Kạn đã cấp cho hộ bà Lê Thị N đối với phần đất hiện đang tranh chấp.

Tại các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Lê Thị N trình bày:

Nguồn gốc đất do ông bà, bố mẹ để lại cho bà N từ rất lâu và đã được cấp Giấy chứng nhận lần đầu, cụ thể thời gian nào bà không nhớ được. Năm 1988 Nhà nước có quy hoạch làm chợ nên GCNQSDĐ bị thu hồi, sau đó không làm chợ nữa và năm 2015 bà được cấp GCNQSDĐ mới. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà N trả lại diện tích đất tranh chấp, bà không đồng ý vì phần diện tích đất tranh chấp bà đã được cấp GCNQSDĐ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn T (con trai bà H) trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông bà nội anh khai phá để lại cho gia đình anh sử dụng từ năm 1990. Năm 2001 đã được cấp GCNQSDĐ mang tên hộ ông Hoàng Văn H1. Năm 1999 Nhà nước có quy hoạch làm chợ nên gia đình anh đã chuyển nhà đi nơi khác, trong thời gian chờ đền bù, bà N sử dụng một phần diện tích làm đường đi lại. Khi Nhà nước không làm đường nữa thì gia đình anh yêu cầu bà N trả lại đất thì xảy ra tranh chấp từ năm 2008 đến nay. Trước đây bà N vẫn sử dụng con đường khác để đi chứ không phải con đường này. Anh T nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà H, không bổ sung ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nông Văn N1, Nông Đức C:

Nhất trí theo ý kiến trình bày của bà Lê Thị N không bổ sung gì thêm.

UBND huyện Bạch Th - đại diện là ông Lâm Văn S trình bày:

Về GCNQSDĐ của bà Đàm Thị H: Được UBND huyện Bạch Th cấp năm 2001, đứng tên hộ ông Hoàng Văn H1.

Về hồ sơ cấp GCNQSDĐ của bà Lê Thị N được cấp theo dự án cấp mới, cấp đổi của huyện Bạch Th. Theo hồ sơ lưu trữ thì hồ sơ cấp GCNQSDĐ của bà N là cấp lần đầu. Về nguồn gốc sử dụng và diện tích là do UBND xã Lục B thẩm định rồi trình lên UBND huyện Bạch Th. Tuy nhiên, đợt làm hồ sơ cấp giấy thực hiện theo dự án nên UBND xã và đơn vị tư vấn khi đó do cấp quá nhiều hồ sơ sau đó chuyển lên UBND huyện. Vì vậy, không thể kiểm soát được việc có xảy ra tranh chấp trước thời điểm xin cấp GCNQSDĐ của từng hộ gia đình hay không. Vì vậy, tại thời điểm làm thủ tục cấp giấy chứng nhận gia đình nhà bà H và bà N đang có tranh chấp trước đây nhưng không phát hiện ra nên vẫn cấp GCNQSDĐ cho bà N. Theo quy định của pháp luật thì việc cấp GCNQSDĐ cho nhà bà N là sai.

Quan điểm của UBND huyện Bạch Th là nếu hai bên gia đình thỏa thuận được thì sẽ hướng dẫn cho hai gia đình làm thủ tục chỉnh lý, cấp đổi. Còn nếu không thỏa thuận được thì theo quy định của pháp luật hiện nay, nếu có xảy ra tranh chấp hoặc có sai sót trong thời điểm cấp GCNQSDĐ thì UBND huyện sẽ yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ.

Người làm chứng ông Hứa Văn Th khai:

Ông không nắm được thông tin về việc bà N với bà H tranh chấp đất đai và phần đất hiện đang tranh chấp ở vị trí nào ông cũng không biết.

Người làm chứng bà Hoàng Thị Th1 khai:

Trước đây nhà bà cũng sống ở gần đây, khi đó có một lối đi nằm giữa đất của gia đình bà H với gia đình bà N để đi vào nhà bà, lối đi này là lối đi chung, bà không biết lối đi này thuộc về ai và phần đất hiện đang tranh chấp ở vị trí nào bà cũng không biết, năm 1979 bà chuyển đi nơi khác cũng không đi lại qua khu đất có đường đi xuống nhà bà N nữa.

Người làm chứng bà Vi Thị Tòng khai:

Trước đây nhà bà ở gần nhà chồng của bà H và bà N, khi đó có một con đường dẫn xuống nương, mọi người xung quanh thường đi qua đường này để đi giặt quần áo. Khoảng năm 1982 - 1983 gia đình bà chuyển đi nơi khác nay bà không biết con đường đó còn không, và phần đất các bên tranh chấp ở vị trí nào bà không nắm được.

Bà Lê Thị L1 (mẹ chồng bà H) khai:

Nguồn gốc thửa đất tranh chấp là do bà chia cho vợ chồng bà H thời gian nào thì bà không nhớ, việc chia đất chỉ nói miệng không có văn bản, trước khi chia chưa có giấy chứng nhận, nhưng vợ chồng bà L1 quản lý sử dụng ổn định, khi đó nhà bà N chưa chuyển đến ở. Thời điểm bà L1 chia đất cho vợ chồng bà H không có hộ nào giáp ranh với thửa đất mà chỉ có một con đường đi xuống nương nhưng không phải phần đất hiện đang tranh chấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 09/01/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn quyết định căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 157 và Điều 166 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 32 Luật tố tụng hành chính; Điều 2 Luật đất đai năm 1993; Điều 99, Điều 100 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 166 và Điều 357 Bộ luật dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị H về việc yêu cầu trả lại đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Lê Thị N.

2. Buộc bà Lê Thị N trả lại diện tích 7,54m² đất cho bà Đàm Thị H - Bà H được quyền sử dụng diện tích 7,54m² đất nằm trong một phần của thửa đất số 292 tờ bản đồ 37 diện tích thửa là 118m² đứng tên người sử dụng là hộ ông Hoàng Văn Huy trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T088187 ngày 28/11/2001 của UBND huyện Bạch Th cấp cho hộ ông Hoàng Văn H1. Theo sơ đồ thửa đất được đo vẽ ngày 19/6/2019 thì diện tích đất tranh chấp được giới hạn bởi các điểm 3,4,7,8 và các cạnh như sau:

- + Từ điểm 3-4 giáp tường nhà cửa hàng thương nghiệp (cũ) có chiều dài 5,41m;
 - + Từ điểm 4-7 giáp đất Thương nghiệp (cũ) có chiều dài 1,2m
 - + Từ điểm 7-8 giáp đất bà Đàm Thị H có chiều dài 5,0m
 - + Từ điểm 8-3 giáp đất bà N có chiều dài 1,7m
- (Có sơ đồ thửa đất kèm theo bản án)

3. Hủy một phần quyết định số 2957/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND huyện Bạch Th, về việc phê duyệt cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 294 cho hộ bà Lê Thị N và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 381607 ngày 31/12/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Bạch Th, tỉnh Bắc Kạn đối với thửa đất số 294 tờ bản đồ số 35 diện tích 1002,6m² đã cấp cho hộ bà Lê Thị N.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/01/2020, bị đơn bà Lê Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn bà Lê Thị N vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, xác định diện tích ngõ đi 7,54m² đất thuộc quyền sử dụng của gia đình bà N vì gia đình bà N đã được cấp GCNQSDĐ lần đầu và cấp đổi năm 2015.

Nguyên đơn bà Đàm Thị H đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn vì diện tích đất tranh chấp gia đình bà H đã được cấp GCNQSDĐ năm 2001.

Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện Bạch Th trình bày: Tại cấp sơ thẩm đã có quan điểm về việc cấp GCNQSDĐ cho hộ bà N nên vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

1. Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

2. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị H là có căn cứ vì diện tích đất tranh chấp gia đình bà H đã được cấp GCNQSDĐ từ năm 2001. Bà N kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị N, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ lời trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp diện tích đất 7,54m² và yêu cầu hủy GCNQSDĐ đã cấp cho bà Lê Thị N. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự và Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn giải quyết theo trình tự sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Phần đất hiện nay các bên tranh chấp có diện tích là 7,54m² tại thôn Bắc Lanh Ch, xã Lục B, huyện Bạch Th, tỉnh Bắc Kạn, theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bạch Th và đã được các bên đương sự nhất trí công nhận. Về nguồn gốc đất các bên đương sự đều cho rằng đất của bố mẹ để lại cho. Tuy nhiên, cả hai bên đương sự đều không ai cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì về việc được cho đất.

[2.2] Theo bản đồ địa chính xã Lục B năm 2000 thể hiện: Phần đất các bên đang tranh chấp nằm trong một phần của thửa đất số 292 tờ bản đồ 37 diện tích thửa là 118m² đứng tên sử dụng đất là hộ ông Hoàng Văn H1; còn theo bản đồ địa chính xã Lục B năm 2015 thì phần đất trên nằm trong thửa đất số 294 tờ bản đồ 35 với diện tích thửa là 1.002,6m² đứng tên người sử dụng đất là hộ bà Lê Thị N.

[2.3] Tại sổ mục kê năm 2000 lưu tại UBND xã Lục B thể hiện: Thửa đất số 292, diện tích 118m² đất ở và tên người sử dụng là Hoàng Văn H1 (chồng bà H), còn thửa đất số 291, diện tích 954m² đứng tên là Nông Văn Cách (chồng bà N). Tại sổ địa chính năm 2001 thì có tên ông H1 đối với thửa số 292 nhưng không có tên và thửa đất của hộ ông Nông Văn C.

[2.4] Tại biên bản xác minh đối với trưởng thôn Bắc Lanh Ch và UBND xã Lục B đều khẳng định trước đây nhà bà N không có con đường đi qua phần đất đang tranh chấp vì đất nhà bà H giáp tường nhà cửa hàng Hợp tác xã.

[2.5] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đàm Thị H, thấy: Hộ bà H sử dụng đất làm nhà ở từ năm 1990 trên thửa đất 292, đến năm 1999 do có thông báo của Nhà nước lấy đất làm chợ nên gia đình bà đã chuyển nhà đi nơi khác. Ngày 14/6/2001 ông H1 đã làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất và tại hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ có chữ ký xác nhận của các hộ giáp ranh, trong đó có chữ ký của ông Nông Văn Cách (chồng bà N). Như vậy, tại thời điểm ông H1 làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ thì thửa đất chưa có tranh chấp nên UBND huyện Bạch Th đã cấp GCNQSDĐ số T088187 ngày 28/11/2001 cho hộ ông Hoàng Văn H1 đối với thửa đất số 292 thuộc tờ bản đồ địa chính số 37 (đo đạc năm 2000) với diện tích là 118m² (bao gồm cả phần đất hiện đang tranh chấp). Thửa đất có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đất xây dựng (thửa 275) là trước đây là cửa hàng hợp tác xã;
- Phía Nam giáp thửa đất số 308 đất vườn hộ ông Hứa Văn Th;
- Phía Đông giáp đường liên xã;
- Phía Tây giáp đất ở ông Nông Văn Cách (chồng bà N),

Sau khi gia đình bà H chuyển nhà đi nơi khác, trong thời gian chờ Nhà nước đền bù thì gia đình bà N đã sử dụng một phần thửa đất (là phần đang tranh chấp) để làm lối đi lại từ nhà bà N ra đường liên xã và quán bánh cuốn của gia đình bà N nhưng bà H cũng không có ý kiến gì vì cho rằng Nhà nước sẽ thu hồi. Tuy nhiên, sau đó chợ không làm ở đó nên gia đình bà H có ý kiến lấy lại đất trên thì bà N không đồng ý trả và xảy ra tranh chấp. Năm 2008, Tổ hòa giải của thôn đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, ông H1 đã làm đơn đề nghị UBND xã giải quyết nhưng chưa được giải quyết, vì vậy tranh chấp đã kéo dài từ đó cho đến nay.

[2.6] Bà N cho rằng, bà sử dụng đất từ năm 1990 và phần đất tranh chấp gia đình bà đã sử dụng làm lối đi từ lâu. Tuy nhiên, theo kết quả xác minh với Trưởng thôn Bắc Lanh Ch và UBND xã Lục B thì đất bà H trước đây giáp với tường nhà cửa hàng Hợp tác xã (hiện nay tường nhà vẫn còn) và phần đất còn lại bên ngoài ra đến đường liên xã trước đây là đất của cửa hàng Hợp tác xã (hiện nay phần đất này thuộc UBND quản lý). Vì vậy, việc bà N cho rằng gia đình bà đã sử dụng làm đường đi từ nhà ra đường từ lâu là không có căn cứ. Tại lời khai của những người làm chứng do bà N yêu cầu xác minh chỉ xác định trước đây giữa đất nhà bà với nhà bà H có một đường đi chung xuống nương nước. Song thực tế phần đất tranh chấp một bên liền đất bà H và một bên giáp tường nhà cửa hàng Hợp tác xã; do đó, xác định đây không phải là lối đi chung trước đây. Đối với việc bà N cho rằng trước đây bà đã được cấp GCNQSDĐ nhưng xã đã thu hồi để làm chợ nên năm 2015 bà mới làm đơn kê khai lần đầu, nhưng bà N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về việc GCNQSDĐ đã được cấp và đã bị thu hồi. Theo UBND xã Lục B và UBND huyện Bạch Th cung cấp thì dự án làm chợ trước đây chưa có thông báo chính thức nên chưa thu hồi

GCNQSDĐ của hộ nào, còn đối với hồ sơ cấp GCNQSDĐ năm 2015 cho hộ bà Lê Thị N là hồ sơ cấp lần đầu.

[2.7] Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thì phần đất tranh chấp hiện gia đình bà N đã đổ bê tông làm lối đi lại (lối đi ra quán bánh cuốn và đường liên xã). Tuy nhiên, đây không phải là lối đi duy nhất vì thửa đất của bà N có cạnh phía Nam giáp với đường đất là đường liên thôn (hiện nay đường đã đổ bê tông) và hiện nay bà N cũng sử dụng lối đi này.

[3] Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở để xác định phần đất tranh chấp thuộc về thửa đất số 292 tờ bản đồ 37 của bà H đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Hoàng Văn Huy (chồng bà H) năm 2001. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H buộc bà N phải trả lại diện tích đất trên là có căn cứ pháp luật.

[4] Xét yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 381607 ngày 31/12/2015 của UBND huyện Bạch Th đối với thửa đất số 294 tờ bản đồ số 35 diện tích 1002,6m² đã cấp cho hộ bà Lê Thị N thấy, rằng:

GCNQSDĐ cấp ngày 28/11/2001 cho hộ ông Hoàng Văn H1 đối với thửa đất số 292 tờ bản đồ 37 diện tích 118m², trong đó có phần diện tích đang tranh chấp từ trước đến nay chưa có quyết định phải thu hồi và cũng chưa cấp đổi nên vẫn còn giá trị pháp lý. Đối với GCNQSDĐ cấp cho hộ bà Lê Thị N: Tại thời điểm làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ thì thửa đất đang có tranh chấp. Cụ thể: Ngày 22/9/2013 Tổ hòa giải thôn Bắc Lanh Ch đã tiến hành hòa giải tranh chấp đất giữa bà Đàm Thị H với bà Lê Thị N nhưng không thành nên đã chuyển lên UBND xã Lục B giải quyết và tại sổ nhận đơn của xã Lục B thì ngày 11/11/2013 và ngày 10/3/2014 UBND xã Lục B đã nhận đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất của ông Hoàng Văn H1 nhưng chưa được giải quyết thì đến năm 2015 có đợt làm hồ sơ cấp giấy thực hiện theo dự án đã cấp GCNQSDĐ cho bà N. Theo UBND huyện Bạch Th cung cấp thì do thực hiện theo dự án và khi đó do cấp quá nhiều hồ sơ nên không thể kiểm soát được việc đất có tranh chấp không. Vì vậy, dẫn đến việc đất đang tranh chấp chưa được giải quyết mà vẫn cấp GCNQSDĐ như trường hợp bà hộ bà N và còn có sự cấp trùng (phần đất hiện đang tranh chấp). Việc cấp GCNQSDĐ cho hộ bà N không đúng quy định tại Điều 100 Luật đất đai. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 381607 ngày 31/12/2015 của UBND huyện Bạch Th đối với thửa đất số 294 tờ bản đồ số 35 diện tích 1002,6m² đã cấp cho hộ bà Lê Thị N là có căn cứ pháp luật.

[5] Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị H là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ

chứng minh nên cần chấp nhận quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị N, giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 09/01/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

[2] Về án phí: Bà Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số ngày 13/02/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận bà N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Cục THADS tỉnh Bắc Kạn;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Anh Tài